

UBND TỈNH LAI CHÂU
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /VPUBND-HCQT
V/v đề nghị cung cấp báo giá
dịch vụ tư vấn lập kế hoạch thuê dịch
vụ công nghệ thông tin

Lai Châu, ngày tháng 12 năm 2025

Kính gửi:

Văn phòng UBND tỉnh Lai Châu có nhu cầu tham khảo giá dịch vụ lập kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin giai đoạn 2026-2030 bao gồm:

1. Hệ thống phòng họp không giấy tờ E-Cabinet.
2. Hệ thống truyền hình hội nghị.
3. Hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.
4. Hệ thống Cổng dịch vụ trực tuyến - hệ thống thông tin một cửa điện tử

Kính đề nghị các đơn vị chuyên cung cấp dịch vụ tư vấn lập kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin quan tâm và có khả năng đáp ứng yêu cầu của gói thầu, nghiên cứu phạm vi cung cấp, gửi báo giá để đơn vị có căn cứ thực hiện các công việc tiếp theo theo quy định.

- Địa điểm tiếp nhận báo giá: Văn phòng UBND tỉnh Lai Châu, địa chỉ: Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.

- Số điện thoại liên hệ: 02133.876.532.

- Email liên hệ: nguyenthanhgiangle@gmail.com.

- Hình thức nhận báo giá: Trực tiếp tại trụ sở đơn vị hoặc qua đường bưu điện hoặc qua email.

- Thời gian nhận báo giá: 10 ngày kể từ ngày đăng tải thư mời báo giá.

- Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

Văn phòng UBND tỉnh Lai Châu rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- V;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu;
- Lưu: VT, HCQT.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Hoàng Minh Hải

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ PHẠM VI CUNG CẤP, NHIỆM VỤ CẦN CUNG CẤP
VÀ YÊU CẦU CÁC DỊCH VỤ TƯ VẤN

(Kèm theo Công văn số /NPUBND-HCQT ngày tháng 12 năm 2025
của Văn phòng UBND tỉnh Lai Châu)

I. Nhiệm vụ 1

1. Tên nhiệm vụ

Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống truyền hình Hội nghị.

2. Chủ đầu tư

Văn phòng UBND tỉnh Lai Châu.

3. Mục tiêu

Tăng cường sự chỉ đạo, điều hành thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Cho phép Chính phủ, các Bộ, ngành tổ chức họp trực tuyến với UBND tỉnh, huyện, xã mà không cần di chuyển. Bảo đảm thông tin, chỉ đạo được truyền đạt nhanh chóng, trực tiếp, chính xác.

Tiết kiệm ngân sách nhà nước, giảm chi phí công tác (vé máy bay, xe công, ăn ở, tổ chức hậu cần...). Giảm thời gian chuẩn bị và tổ chức các cuộc họp quy mô lớn.

Nâng cao hiệu quả quản lý, xử lý công việc, rút ngắn thời gian triển khai chính sách, nghị quyết, mệnh lệnh hành chính. Tạo điều kiện để lãnh đạo địa phương báo cáo tình hình, xin ý kiến chỉ đạo ngay lập tức.

Thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ điện tử/Chính phủ số, Hệ thống truyền hình hội nghị là hạ tầng nền tảng cho các ứng dụng họp không giấy, e-Cabinet, quản lý văn bản điện tử, góp phần hình thành một nền hành chính hiện đại, minh bạch, số hóa.

4. Quy mô dịch vụ

Có thể triển khai đa cấp hành chính (Trung ương ↔ Tỉnh ↔ Xã). Kết hợp với họp trực tiếp (Hybrid meeting), thích ứng với nhiều tình huống khẩn cấp (thiên tai, dịch bệnh, quốc phòng – an ninh).

Đảm bảo bí mật, an toàn thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước, phục vụ họp nội bộ các cấp, kể cả những phiên họp quan trọng, nhạy cảm. Hệ thống phải tuân thủ tiêu chuẩn an toàn thông tin cấp độ 3 trở lên, toàn bộ hệ thống có máy chủ đặt tại Việt Nam tránh các yếu tố rủi ro.

Đường truyền của Hệ thống là đường truyền số liệu chuyên dụng (không có

Internet), băng thông rộng được kết nối thông qua các thiết bị đầu cuối, thiết bị hiển thị ngoại vi được triển khai từ Tỉnh đến cấp xã, phường.

5. Nguồn vốn

Nguồn kinh phí được giao năm 2026 tại Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026.

6. Thời gian thực hiện: Năm 2026

7. Địa điểm thực hiện

Tầng 1, Nhà B, Trung tâm Hành chính – Chính trị tỉnh, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.

8. Giá trị kinh phí được duyệt: 4.074 triệu đồng

9. Phạm vi công việc

Kết nối trên kênh thuê riêng, tách biệt Internet công cộng: Toàn bộ tín hiệu hình ảnh, âm thanh, dữ liệu được truyền tải trên đường truyền riêng biệt. Đảm bảo an toàn tuyệt đối, loại bỏ nguy cơ bị nghe lén, tấn công mạng. Độ trễ thấp, chất lượng ổn định, không phụ thuộc vào lưu lượng Internet quốc tế.

Thiết bị đầu cuối và đường truyền được triển khai đồng bộ và có khả năng kết nối trực tiếp từ Trung ương - Tỉnh - xã, phường.

10. Yêu cầu kỹ thuật

Bảo đảm an toàn thông tin: Không để xảy ra lộ, lọt dữ liệu và được phê duyệt về cấp độ an toàn thông tin.

Hệ thống phù hợp: Phần mềm và hạ tầng trang thiết bị cần được thiết kế phù hợp nhu cầu sử dụng. Có hạ tầng NGN phủ rộng 63 tỉnh, thành. Tổ chức được các hội nghị trực tuyến quy mô quốc gia.

Hạ tầng máy chủ và MCU đặt tại Việt Nam: Tất cả hệ thống máy chủ, thiết bị điều khiển hội nghị (MCU) đặt trong lãnh thổ Việt Nam, không phụ thuộc máy chủ nước ngoài → tránh rủi ro gián đoạn khi Internet quốc tế gặp sự cố.

Khả năng tích hợp: Hệ thống có khả năng kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng của Đảng và Nhà nước, Giúp hội nghị trực tuyến an toàn tuyệt đối, phù hợp cho các cơ quan trọng yếu như Văn phòng Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, UBND các tỉnh/thành phố.

Chia sẻ nội dung và quản lý cuộc họp chuyên sâu: Hỗ trợ chia sẻ màn hình, tài liệu, video trực tiếp. Có chức năng phân quyền, cho phép ghi hình, lưu trữ tại IDC trong nước để dễ dàng tra cứu, bảo mật thông tin.

Chất lượng hình ảnh và âm thanh: Hình ảnh độ phân giải cao, âm thanh chống vọng, lọc tạp âm. Có cơ chế QoS (Quality of Service) – ưu tiên luồng dữ liệu hội nghị, vẫn mượt ngay cả khi mạng chung có lưu lượng cao.

Đáp ứng các yêu cầu về tiêu chí của Hệ thống tại Quyết định số: 444/QĐ-BKHCN ngày 04/4/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ Ban hành Bộ tiêu chí yêu cầu kỹ thuật tối thiểu nền tảng Hợp trực tuyến

II. Nhiệm vụ 2

1. Tên nhiệm vụ

Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống phần mềm họp không giấy Ecabinet.

2. Chủ đầu tư

Văn phòng UBND tỉnh Lai Châu.

3. Mục tiêu

Tiết kiệm thời gian và chi phí: Giảm mạnh lượng giấy tờ sử dụng trong họp (chỉ còn dùng khi tài liệu mật). Tiết kiệm chi phí in ấn, vận chuyển, lưu trữ hồ sơ. Rút ngắn thời gian họp so với trước.

Đổi mới phương thức điều hành, nâng cao hiệu quả quản lý: Quản lý toàn bộ quy trình họp: gửi tài liệu, lập chương trình, điều hành, biểu quyết, ban hành nghị quyết. Giúp lãnh đạo nắm bắt nhanh thông tin, đưa ra quyết định chính xác, kịp thời.

Minh bạch, chính xác trong biểu quyết và ra quyết định: Tích hợp chức năng biểu quyết điện tử. Kết quả biểu quyết được tổng hợp, lưu trữ và công khai ngay trong cuộc họp, tránh sai sót thủ công.

Góp phần xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số: Là công cụ then chốt trong lộ trình chuyển đổi số. Thay đổi thói quen làm việc truyền thống, từng bước hình thành nền quản trị hiện đại, minh bạch, hiệu quả.

Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin

* Mọi tài liệu, kết quả biểu quyết, nghị quyết được mã hóa, ký số theo chuẩn quốc gia.

* Ngăn ngừa rủi ro lộ lọt dữ liệu trong các cuộc họp quan trọng.

4. Quy mô dịch vụ

Tổ chức được các phiên họp không giấy tờ trong tỉnh, tại các điểm xã có thể tự tạo phòng họp riêng phục vụ triển khai các nhiệm vụ tỉnh giao.

Lập phiếu xin ý kiến vào các văn bản trong công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh.

Gửi phiếu lấy ý kiến, tổng hợp, thống kê; tham gia biểu quyết điện tử bằng máy tính hoặc thiết bị di động.

5. Nguồn vốn

Nguồn kinh phí được giao năm 2026 tại Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026.

6. Thời gian thực hiện: Năm 2026

7. Địa điểm thực hiện

Tầng 1, Nhà B, Trung tâm Hành chính – Chính trị tỉnh, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.

8. Giá trị kinh phí được duyệt: 3.867 triệu đồng

9. Phạm vi công việc

Quản lý chuẩn bị và lưu trữ tài liệu họp: Cập nhật, lưu trữ hồ sơ, tài liệu phiên họp; điều hành phiên họp một cách khoa học

Lấy ý kiến và biểu quyết điện tử: Gửi phiếu lấy ý kiến, tổng hợp, thống kê; tham gia biểu quyết dễ dàng qua thiết bị di động

Thông báo nhắc việc: Gửi SMS, email; tự động cảnh báo khi đến hạn

Kết nối với hệ thống khác: Hỗ trợ kết nối thủ công, bán tự động qua API hoặc hoàn toàn tự động

Quản lý người dùng: Khởi tạo, phân quyền, quản lý đối tượng tham gia hệ thống, giúp loại bỏ văn bản giấy, giảm thời gian họp, nâng cao hiệu quả công việc.

10. Yêu cầu kỹ thuật

Bảo đảm an toàn thông tin: Không để xảy ra lộ, lọt dữ liệu và được phê duyệt về cấp độ an toàn thông tin.

Hệ thống phù hợp: Phần mềm và hạ tầng cần được thiết kế phù hợp với môi trường, quy trình, và nhu cầu sử dụng.

Tương thích với hạ tầng mạng viễn thông, băng thông cao có thể sử dụng trên các thiết bị di động.

Phù hợp quy trình nghiệp vụ: Phải hỗ trợ đầy đủ quy trình làm việc của tỉnh: từ tạo, trình, phê duyệt phiếu lấy ý kiến; đến tổng hợp ý kiến, chuẩn bị, tổ chức họp, biểu quyết điện tử và thông qua kết luận.

III. Nhiệm vụ 3

1. Tên nhiệm vụ

Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Công dịch vụ công trực tuyến – hệ thống thông

tin một cửa điện tử tỉnh

2. Chủ đầu tư

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

3. Mục tiêu

Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Công dịch vụ công trực tuyến – hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh nhằm:

- Duy trì hoạt động ổn định, liên tục của Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa đã được triển khai giai đoạn 2022–2025, bảo đảm cung cấp kịp thời, đầy đủ các dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; công khai, minh bạch quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính; nâng cao hiệu quả phục vụ, tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng hệ thống tập trung, thống nhất, phù hợp mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tạo thành nền tảng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, kết nối chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành với UBND cấp xã, phường; bảo đảm tính đồng bộ, liên thông trong xử lý, giám sát, theo dõi, đánh giá kết quả giải quyết TTHC.

- Đáp ứng yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, nhằm xác thực thông tin nhanh chóng, giảm giấy tờ, loại bỏ khâu trùng lặp, rút ngắn quy trình xử lý thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho tổ chức, công dân.

- Kịp thời điều chỉnh, bổ sung, nâng cấp hệ thống để đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, quy định thống nhất về chức năng, tính năng kỹ thuật trong xây dựng Cổng dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh theo yêu cầu của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan, đồng thời phù hợp với thực tiễn tỉnh Lai Châu.

- Góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền số, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, tăng cường khả năng phục vụ, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng.

- Tối ưu chi phí đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, thông qua phương thức thuê dịch vụ CNTT thay vì đầu tư mới, tạo tiền đề cho chiến lược xây dựng Chính quyền điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước và hệ thống hành chính công của tỉnh.

4. Quy mô dịch vụ

- Văn phòng UBND tỉnh: Là cơ quan chủ trì thuê dịch vụ, trực tiếp quản lý, khai thác và giám sát toàn bộ hoạt động của Công dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử

- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và đơn vị trực thuộc: Sử dụng hệ thống để tiếp nhận, xử lý và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý; đồng thời bảo đảm dữ liệu, kết quả giải quyết TTHC được đồng bộ, chia sẻ với Công dịch vụ công tỉnh.

- UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh: Thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính theo thẩm quyền; đồng thời khai thác, kết nối dữ liệu với cấp tỉnh, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của hệ thống hành chính hai cấp.

- Cơ quan, đơn vị phối hợp liên quan: Bao gồm Bảo hiểm xã hội, cơ quan thuế và các đơn vị cung cấp dịch vụ công thiết yếu khác, trong phạm vi có thủ tục hành chính liên thông; đảm bảo tích hợp, chia sẻ dữ liệu, đặc biệt là với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Đối tượng thụ hưởng: Người dân, doanh nghiệp được tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tra cứu tình trạng hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính một cách nhanh chóng, minh bạch, thuận tiện.

5. Nguồn vốn

Nguồn kinh phí được giao năm 2026 tại Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026.

6. Thời gian thực hiện: Năm 2026

7. Địa điểm thực hiện:

Tầng 1, Nhà B, Trung tâm Hành chính – Chính trị tỉnh, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.

8. Giá trị tổng kinh phí được duyệt: 5.115 triệu đồng

9. Yêu cầu về kỹ thuật

9.1. Kiến trúc và nền tảng công nghệ

- Tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Khung kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Lai Châu.

- Triển khai trên nền tảng chính phủ điện tử bảo đảm khả năng tích hợp, liên thông dữ liệu đa cấp, đa ngành.

- Sử dụng hạ tầng điện toán đám mây của Cloud đặt tại trung tâm dữ liệu đạt tiêu chuẩn Tier 3, chứng chỉ ISO 27001, đảm bảo an toàn, sẵn sàng cao (HA/DR).

9.2. Tích hợp và kết nối dữ liệu

- Tích hợp với Công dịch vụ công quốc gia theo tiêu chuẩn của Bộ Thông tin & Truyền thông.
- Kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, CSDL bảo hiểm, thuế, đất đai và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP (Local Government Service Platform).
- Bảo đảm dữ liệu được đồng bộ hai chiều giữa cấp tỉnh và cấp xã/phường, phù hợp mô hình chính quyền 2 cấp.

9.3. Ứng dụng và trải nghiệm người dùng

- Hệ thống một cửa điện tử và Công dịch vụ công tích hợp: cho phép người dân/doanh nghiệp nộp hồ sơ, theo dõi, thanh toán trực tuyến, nhận kết quả qua nhiều kênh (cổng web, ứng dụng di động, email, Zalo OA).

- Cấu hình động:

- + Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu cấu trúc, bố cục của Công dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh về phần đầu trang, phần thông tin chính, phần chân trang.

- + Hệ thống đáp ứng các yêu cầu về hiệu năng tải trang dành cho trải nghiệm người dùng, hiệu năng của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

- + Đáp ứng các yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin.

- + Hệ thống đã tích hợp với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (Hệ thống EMC).

- Hỗ trợ chữ ký số, xác thực định danh điện tử.

- + Hỗ trợ ký số Ban cơ yếu, Smart CA, VNPT CA, ký số Sim, NEAC.

- + Ký số lên thành phần hồ sơ khi tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, trực tiếp.

- + Ký số lên file ý kiến xử lý, file kết quả, phiếu động khi xử lý hồ sơ.

- + Công dân có thể thực hiện ký số khi nộp hồ sơ trực tuyến.

- Tích hợp hóa đơn/ biên lai điện tử:

- + Phát hành/ thanh toán hóa đơn điện tử, In biên lai điện tử

- Tích hợp Thanh toán trực tuyến.

- + Thanh toán trực tuyến qua: các nền tảng ví điện tử, Payment Platform, QR Code.

- Kho dữ liệu cá nhân, tổ chức.

- + Là không gian điện tử riêng của tổ chức, cá nhân tại Công dịch vụ công quốc gia, Công dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh để hỗ trợ quản lý, lưu trữ dữ liệu liên quan đến giao dịch hành chính.

+ Kho lưu trữ điện tử có khả năng quản lý, khai thác tài liệu dưới dạng điện tử. Bảo đảm tính toàn vẹn, xác thực, tin cậy, khả dụng của hồ sơ tài liệu điện tử được lưu trữ.

+ Cá nhân/ tổ chức có thể di chuyển, sắp xếp lại các giấy tờ trong kho.

+ Được xây dựng theo cơ chế là một kho chung: có thể kết nối/ tích hợp với nhiều hệ thống khác, có thể lưu trữ được giấy tờ của các hệ thống đã kết nối.

+ Cá nhân/ tổ chức có thể chia sẻ tài liệu cho các đối tượng khác. Hoặc có thể xem được các tài liệu được người khác chia sẻ.

+ Nộp hồ sơ trực tuyến: cho phép công dân sử dụng giấy tờ từ kho dữ liệu của mình hoặc từ kho QG.

+ Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: cho phép cán bộ lưu sử dụng giấy tờ từ kho dữ liệu cá nhân, tổ chức hoặc từ kho quốc gia

+ Trả kết quả: cho phép cán bộ lưu kết quả (đã ký số) vào kho lưu trữ của cá nhân, tổ chức.

- Giao diện thân thiện, hỗ trợ đa nền tảng (web, mobile), song ngữ Việt – Anh, có khả năng mở rộng hỗ trợ tiếng dân tộc nếu cần.

9.4. An toàn, bảo mật

- Tuân thủ tiêu chuẩn ISO/IEC 27001, tiêu chuẩn an toàn thông tin của Bộ TT&TT.

- Áp dụng các giải pháp an ninh mạng (giám sát SOC 24/7, phòng chống tấn công DDoS, bảo mật ứng dụng Web – WAF).

- Cơ chế phân quyền người dùng theo vai trò (RBAC), lưu vết nhật ký (log) đầy đủ, hỗ trợ kiểm toán.

9.5. Khả năng liên thông tích hợp, mở rộng và bảo trì.

- Tích hợp đăng nhập qua tài khoản định danh điện tử cấp bởi bộ công an(VneID)

- Tích hợp CSDLQG về dân cư.

- Tích hợp dịch vụ bưu chính công ích(Bưu điện)

- Tích hợp với Hệ thống dịch vụ công liên thông theo Nghị định 63/2024/NĐ-CP.

- Kết nối máy quét Căn cước công dân.

- Hệ thống có khả năng mở rộng quy mô người dùng, hồ sơ, dịch vụ công trực tuyến mà không ảnh hưởng đến hiệu năng.

- Bảo đảm cập nhật, nâng cấp tính năng theo các tiêu chuẩn, quy định mới của Chính phủ và Bộ TT&TT trong suốt giai đoạn 2026–2030.

- Cung cấp dịch vụ SLA $\geq 99,9\%$, đội ngũ kỹ thuật thường trú tại địa phương và trung tâm hỗ trợ 24/7.

IV. Nhiệm vụ 4

1. Tên nhiệm vụ

Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Chủ đầu tư

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

3. Mục tiêu tổng quát

(1) Hỗ trợ đo lường, thiết lập cơ chế theo dõi, giám sát liên tục; đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện các chính sách, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước tại bộ, ngành, địa phương; nâng cao năng lực phát hiện sớm và phản ứng nhanh chóng, kịp thời trước các biến động bất thường.

(2) Tăng cường tính công khai, minh bạch trong cung cấp thông tin và thực thi chính sách của các cơ quan; nâng cao trách nhiệm giải trình trong thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức; nắm bắt chính xác, kịp thời xu hướng để phục vụ, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành linh hoạt của các bộ, ngành, địa phương.

(3) Nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành từ thủ công, giấy tờ truyền thống sang chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu (*bằng chứng*) theo thời gian thực, từng bước hiện đại hóa nền hành chính quốc gia;

(4) Thiết lập Bộ chỉ số chỉ đạo điều hành trên môi trường số, trên cơ sở dữ liệu liên thông, kết nối và chia sẻ dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của CP, TTgCP. Bộ chỉ số được thu thập theo thời gian thực, liên tục, không chồng chéo với các hệ thống giám sát, đánh giá hiện hành.

4. Mục tiêu cụ thể

(1) Hình thành hệ thống thông tin phục vụ, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành các vấn đề trọng tâm, cấp bách của CP, TTgCP; các bộ, ngành và địa phương theo chức năng quản lý nhà nước, xã hội, tài nguyên, môi trường, phúc lợi...

(2) Từng bước hình thành kho dữ liệu tổng hợp, đa chiều về KTXH đáp ứng nhu cầu thông tin, dữ liệu kịp thời, chính xác phục vụ chỉ đạo, điều hành hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng của CP, TTgCP, lãnh đạo bộ, ngành và địa phương;

(3) Khai thác, chia sẻ, tái sử dụng các thông tin, dữ liệu sẵn có của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước để phát huy tối đa giá trị của tài nguyên dữ liệu, tiến tới giảm gánh nặng thực hiện các chế độ báo cáo không cần thiết hoặc

các báo cáo có thể lấy thông tin, dữ liệu trực tiếp từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

5. Nguyên tắc xác định chỉ số phục vụ chỉ đạo điều hành

Theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 137/2024/NĐ-CP, khi xác định các chỉ số phục vụ chỉ đạo điều hành, cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

(1) Phản ánh chính xác chỉ tiêu, mục tiêu của các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển KTXH; chương trình mục tiêu quốc gia, dự án, công trình trọng điểm quốc gia; nhiệm vụ CP, TTgCP giao và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước;

(2) Thông tin, dữ liệu của các chỉ số được cập nhật thường xuyên bảo đảm nguyên tắc thu thập từ một đầu mối theo chức năng quản lý nhà nước; kế thừa, sử dụng tối đa thông tin, dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu sẵn có; kết nối, chia sẻ, tái sử dụng thông nhất từ trung ương đến địa phương;

(3) Chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành phải kết hợp chặt chẽ với thông tin, dữ liệu thống kê và các chế độ báo cáo khác để phản ánh được đầy đủ, chính xác tình hình của vấn đề hoặc lĩnh vực mà chúng được sử dụng để giám sát và đánh giá;

(4) Mỗi chỉ số được thiết kế nhằm đo lường tiến trình và kết quả, hiệu quả thực hiện công việc được phân công của cơ quan, tổ chức, cá nhân; phải có phương pháp tính, đơn vị đo lường; xác định rõ ràng các thuộc tính, phân tổ chủ yếu, kỳ dữ liệu, nguồn dữ liệu và khả năng so sánh.

Bên cạnh các nguyên tắc khung đã được quy định tại 137/2024/NĐ-CP, khi xác định chỉ số phục vụ chỉ đạo điều hành cấp bộ, ngành và địa phương, các cơ quan cần lưu ý một số nguyên tắc thực hành sau đây:

(1) Tính chủ động: Nguyên tắc này nhấn mạnh sự chuyển đổi từ vai trò thu thập dữ liệu thụ động sang khai thác dữ liệu một cách có mục đích, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, ngành, địa phương, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động chỉ đạo và điều hành. Điều này đòi hỏi các đơn vị không chỉ tập trung vào việc thu thập và thống kê dữ liệu mà còn phải chủ động phân tích dữ liệu và đánh giá thông tin từ phân tích dữ liệu để đưa ra các quyết định kịp thời, đồng thời đề xuất kết nối, chia sẻ tích hợp dữ liệu với các cơ quan khác để đảm bảo nhu cầu thông tin dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành thuộc phạm vi quản lý.

(2) Tính đặc thù: Nguyên tắc này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc điều chỉnh các chỉ số theo bối cảnh đặc thù của địa phương và lĩnh vực chuyên môn. Mỗi bộ, ngành, địa phương sẽ có những đặc điểm riêng về kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường, tính chất nghiệp vụ khác nhau của công tác quản lý nhà nước theo ngành và năng lực quản lý nguồn lực khác nhau. Vì vậy, các chỉ số cần được

thiết kế sáng tạo, phản ánh chính xác tình hình thực tế và đáp ứng nhu cầu cụ thể của từng cơ quan, khu vực. Tránh việc sử dụng một bộ chỉ số thiết kế sẵn và áp dụng cho tất cả các bộ, ngành, địa phương.

(3) Tính linh hoạt: Chỉ số chỉ đạo điều hành nhằm theo dõi các hoạt động theo chức năng nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan có tính ổn định tương đối, nhưng chỉ số theo dõi việc ban hành và thực hiện chính sách thì sẽ gắn liền với đời sống của chính sách. Do đó, khi chính sách mới ban hành hoặc có vấn đề khẩn cấp mới phát sinh cần giải quyết thì sẽ xuất hiện chỉ số mới. Ngược lại, khi chính sách đã hết hiệu lực hoặc vấn đề khẩn cấp đã trôi qua thì sẽ loại bỏ những chỉ số không cần thiết; chủ động nghiên cứu, ban hành những chỉ số mới phù hợp với tình hình thực tế.

(4) Tính cốt lõi: Một bộ chỉ số “cốt lõi” có nghĩa là khi xác định bộ chỉ số chỉ đạo điều hành, cần có sự cân nhắc kỹ lưỡng trong việc lựa chọn bộ chỉ số với số lượng bảo đảm để phục vụ cho mục tiêu, tính chất trong chỉ đạo và điều hành. Việc sử dụng quá nhiều chỉ số có thể dẫn đến tình trạng nhiễu thông tin, làm giảm tính khả thi trong việc phân tích và đưa ra quyết định. Hơn nữa, nếu bộ chỉ số quá chi tiết, có thể dẫn đến việc quản lý vi mô, làm hạn chế khả năng tự chủ và sáng tạo của các cấp dưới. Điều này không chỉ gây ra sự dư thừa trong công việc mà còn không đảm bảo được trách nhiệm giải trình, gây khó khăn trong việc đánh giá hiệu quả thực hiện. Do đó, cần xác định các chỉ số then chốt, có tính đại diện để phản ánh rõ ràng trạng thái và hiệu quả hoạt động ở cấp tổng thể điều hành chung, mà không làm phân tán nguồn lực và sự chú ý.

Tính “Cốt lõi” cũng yêu cầu trong khi lựa chọn chỉ số, các bộ ngành và tỉnh, thành phố cần đảm bảo ít nhất là cung cấp được đầy đủ thông tin, dữ liệu về chỉ số thuộc trách nhiệm báo cáo của cơ quan mình đáp ứng yêu cầu chỉ đạo điều hành của CP, TTgCP (*như đã quy định ở Phụ lục II của Quyết định 1012*).

(5) Tính hài hòa: Phải đảm bảo tính "hài hòa" giữa việc sử dụng các chỉ số tuyệt đối và tăng cường sử dụng chỉ số tương đối, chỉ số dẫn xuất. Điều này đòi hỏi khi xác định các chỉ số chỉ đạo điều hành, cần phân biệt rõ ràng giữa chỉ số tuyệt đối (*đo lường giá trị các biến bằng các con số tuyệt đối như tấn gạo, số km đường bộ, số người thụ hưởng chính sách...*) và chỉ số tương đối (*đo lường các đại lượng thể hiện mối quan hệ giữa các biến như tỉ lệ học sinh nhập học đúng độ tuổi, tốc độ tăng trưởng, tỉ trọng giá trị gia tăng của kinh tế số trong GRDP của tỉnh, thành phố...*). Ở cấp điều hành vĩ mô của lãnh đạo bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nên ưu tiên lựa chọn các chỉ số tương đối vì những lý do sau:

- Chỉ số này phản ánh được mối quan hệ giữa các biến và giúp đánh giá hiệu quả hoạt động trong một bối cảnh rộng hơn, có tính chất đa ngành, liên cơ quan

nhieu hơn. Đây là những vấn đề mà chỉ có lãnh đạo điều hành cấp cao có thể theo dõi được, trong khi các đơn vị cấp dưới tập trung vào các nhiệm vụ chuyên môn hẹp, ít có tính liên ngành.

- Hạn chế tình trạng "lấn sân" vào công việc của các đơn vị cấp dưới, vì như ý trên đã nêu, các đơn vị cấp dưới thường dựa nhiều vào các chỉ số tuyệt đối, nên bằng cách sử dụng các chỉ số tương đối và liên ngành, lãnh đạo có cơ hội đối chiếu, so sánh sự phối hợp giữa các đơn vị trong nội bộ cơ quan cũng như so sánh được với các bộ, ngành và địa phương khác.

- Chỉ số tương đối cung cấp cái nhìn toàn diện hơn về kết quả thực hiện chính sách, chương trình, đề án và kế hoạch (*về bản chất, việc thực hiện các chính sách này đều chịu tác động tương hỗ từ nhiều yếu tố khác nhau*), từ đó hỗ trợ trong việc điều chỉnh và quyết định một cách kịp thời và hiệu quả.

Nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình:

- + Hỗ trợ ra quyết định tức thời: Chuyển từ điều hành dựa trên báo cáo giấy sang điều hành trực quan trên bản đồ số, nắm bắt ngay diễn biến, quy mô, điểm nóng của sự cố

- + Tối ưu hóa điều phối nguồn lực: Xác định chính xác vị trí, trạng thái lực lượng, phương tiện, vật tư để điều động nhanh chóng, hiệu quả

- + Nâng cao dự báo và cảnh báo sớm: Tích hợp hệ thống chuyên ngành, mô hình dự báo thiên tai, dịch bệnh, sự cố để chủ động ứng phó

- + Tăng cường hợp tác quốc tế: Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu, tiếp nhận và điều phối hỗ trợ từ các quốc gia, tổ chức quốc tế minh bạch, nhanh chóng

- + Hình thành kho dữ liệu tổng hợp, đa chiều về kinh tế – xã hội, phục vụ chỉ đạo điều hành hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng của Chính phủ, Thủ tướng.

- + Giảm gánh nặng chế độ báo cáo: Tái sử dụng dữ liệu sẵn có từ các cơ quan, hạn chế báo cáo trùng lặp, không cần thiết

- + Đổi mới phương thức điều hành: Từ thủ công sang điều hành dựa trên dữ liệu thời gian thực, hiện đại hóa nền hành chính

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống cấp trên và cấp tỉnh:

- + Liên thông, tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ, bảo đảm chế độ báo cáo điện tử, chuẩn hóa về biểu mẫu và định dạng dữ liệu.

- + Kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh, phục vụ công tác giám sát, phân tích, điều hành trên phạm vi toàn tỉnh, hỗ trợ xây dựng chính quyền số.

6. Quy mô dịch vụ

- Văn phòng UBND tỉnh: Là cơ quan chủ trì, trực tiếp quản lý, khai thác và vận hành Hệ thống thông tin báo cáo; đồng thời theo dõi, giám sát tình hình thực hiện chế độ báo cáo của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và đơn vị trực thuộc: Sử dụng hệ thống để lập, gửi và tổng hợp báo cáo thuộc lĩnh vực được giao quản lý; bảo đảm số liệu chính xác, kịp thời, phục vụ công tác tham mưu, điều hành và phối hợp liên ngành.

- UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh: Thực hiện chế độ báo cáo theo thẩm quyền; truyền tải dữ liệu, số liệu thực tế từ cơ sở lên cấp tỉnh một cách nhanh chóng, chính xác; góp phần hình thành hệ thống thông tin báo cáo liên thông hai cấp (tỉnh, xã).

- Đối tượng thụ hưởng: Lãnh đạo UBND tỉnh, lãnh đạo các sở, ngành, địa phương được cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để ra quyết định điều hành; đồng thời, hệ thống gián tiếp phục vụ người dân và doanh nghiệp thông qua việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện chất lượng phục vụ.

7. Yêu cầu về kỹ thuật

7.1. Kiến trúc và nền tảng công nghệ

- Triển khai trên nền tảng VSR, tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử và chính quyền điện tử tỉnh.

- Sử dụng hạ tầng điện toán đám mây của **Cloud** đặt tại trung tâm dữ liệu đạt tiêu chuẩn Tier 3, chứng chỉ ISO 27001, đảm bảo an toàn, sẵn sàng cao (HA/DR).

- Bảo đảm đường truyền đa dạng (internet, quân sự, vệ tinh), có khả năng kết nối kể cả vùng bị cô lập; hỗ trợ thiết bị bay không người lái để cập nhật hình ảnh, video từ hiện trường

- Trực quan hóa: hiển thị báo cáo trên dashboard, bản đồ số, biểu đồ, infographic; phục vụ họp, chỉ đạo điều hành trực tuyến.

7.2. Tích hợp và kết nối dữ liệu

- Liên thông với Hệ thống quản lý văn bản, điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

- Hỗ trợ API kết nối dữ liệu với các phần mềm quản lý chuyên ngành (y tế, giáo dục, tài chính, KT-XH,...).

- Xây dựng bộ chỉ số chỉ đạo điều hành cấp tỉnh cần được cấu trúc theo các lĩnh vực quản lý trọng yếu, cho phép xem xét vấn đề theo cả chiều dọc (*theo ngành*) và chiều ngang (*theo địa bàn*), như:

+ Tổng quan Kinh tế - Xã hội: Các chỉ số KPI quan trọng nhất của tỉnh.

+ Tài chính - Ngân sách: Theo dõi sức khỏe tài chính của tỉnh.

- + Đầu tư – Xây dựng: Tập trung vào động lực đầu tư công, FDI và tư nhân.
- + Kinh tế ngành: Các chỉ số quan trọng trong lĩnh vực nông lâm thủy sản, công nghiệp và xây dựng và dịch vụ của tỉnh.
- + Doanh nghiệp và Sản xuất kinh doanh: Theo dõi sức khỏe khu vực kinh tế.
- + Văn hóa – Xã hội: Các vấn đề an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, lao động, việc làm, y tế, giáo dục, khoa học và công nghệ, chuyển đổi số.
- + Tài nguyên & Môi trường: Các vấn đề về đất đai, tài nguyên, khoáng sản, môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.
- + Cải cách hành chính & Nội vụ: Đo lường hiệu quả của bộ máy công quyền, tổ chức bộ máy, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, các chỉ số đo lường năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (*PCI, PAPI, PAR Index...*).
- + An ninh - Trật tự: Giám sát tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội.
- + Mục tiêu dài hạn: Giám sát, đánh giá thực hiện các mục tiêu dài hạn tại các Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND (*như chỉ tiêu chủ yếu phát triển KTXH hằng năm, 5 năm, quy hoạch tỉnh, các chương trình, dự án của Trung ương trên địa bàn tỉnh...*). Lưu ý việc xây dựng **02** nhóm chỉ số chính và nhóm chỉ số dẫn xuất để hỗ trợ tốt hơn trong chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh.
- + Mục tiêu đặc thù: Giám sát, đánh giá các mục tiêu đặc thù, các đề án, dự án, chương trình dài hạn trên địa bàn tỉnh (*như kinh tế biển, đô thị thông minh, chuyển đổi số...*).

+ Nhiệm vụ khẩn cấp, cấp bách: Chỉ huy ứng phó trong phòng, chống thiên tai, ứng phó sự cố, tìm kiếm cứu nạn, dịch bệnh, kích hoạt cơ chế chỉ huy tập trung, huy động và điều phối nguồn lực "**4 tại chỗ**" một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất.

7.3. An toàn, bảo mật

- Tuân thủ tiêu chuẩn ISO/IEC 27001, tiêu chuẩn an toàn thông tin của Bộ TT&TT.
- Tuân thủ Luật An toàn thông tin mạng và tiêu chuẩn an toàn của Bộ Công an.
- Bảo đảm phân quyền người dùng, xác thực đa lớp, lưu trữ log đầy đủ.
- Giám sát qua Trung tâm Giám sát An ninh mạng tỉnh Lai.
- Áp dụng các giải pháp an ninh mạng của (giám sát SOC 24/7, phòng chống tấn công DDoS, bảo mật ứng dụng Web – WAF).
- Cơ chế phân quyền người dùng theo vai trò (RBAC), lưu vết nhật ký (log) đầy đủ, hỗ trợ kiểm toán.

7.4. Khả năng mở rộng và bảo trì

- Đáp ứng nhu cầu báo cáo từ hơn ... cơ quan, trung bình ... báo cáo/tháng.
- Khả năng mở rộng, thêm biểu mẫu báo cáo mới mà không cần lập trình lại.
- Xam kết cung cấp dịch vụ **SLA $\geq 99,9\%$** , đội ngũ kỹ thuật thường trú tại địa phương và trung tâm hỗ trợ 24/7.

8. Nguồn vốn

Nguồn kinh phí được giao năm 2026 tại Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026.

9. Thời gian thực hiện: Năm 2026

10. Địa điểm thực hiện

Tầng 1, Nhà B, Trung tâm Hành chính – Chính trị tỉnh, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.

11. Giá trị kinh phí được duyệt: 2.321 triệu đồng

V. Yêu cầu về báo giá

Báo giá thể hiện chi tiết theo đơn vị tính: Trang A4

Báo giá đã bao gồm các chi phí khác (nếu có)